

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2025/HC-PT

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

V/v: “*Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính về hải quan*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 589/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính về hải quan*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1331/2025/QĐPT-HC ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Công ty TNHH T5; Địa chỉ: Lô C đường B, KCN T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện của người khởi kiện: Bà Trần Thị Kim T - Giám đốc – có mặt.

- **Người bị kiện:** Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H (Nay là Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan khu vực I1); Địa chỉ: B H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh L - Phó Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; (Giấy ủy quyền ngày 28/8/2023 – có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Bá T1 – Trưởng phòng Quản lý rủi ro - Chi cục Hải quan khu vực II (Trước đây là Chi cục Trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan Thành phố H – có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Bạch Thành L1 – Đội trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan Thành phố H – có mặt.

3. Ông Trần Kế T2 - Công chức Chi cục Kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan Thành phố H – có mặt.

4. Bà Lương Thị Xuân T3 – Phó đội trưởng Chi cục Hải quan chuyển phát nhanh – Cục Hải quan Thành phố H – có mặt.

5. Bà Trần Thị Thu L2 – Công chức phòng thuế xuất nhập khẩu – Cục Hải quan Thành phố H – có mặt.

6. Bà Phan Thị Xuân T4 – Phó trưởng phòng phân loại hàng hóa – Cục T – vắng mặt.

7. Bà Vũ Thúy H – Chuyên viên phòng phân loại hàng hóa – Cục T – vắng mặt.

8. Ông Vũ Văn P – Công chức Cục kiểm tra sau thông quan – T – có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

2. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 21/7/2023, và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện, trình bày:*

Ngày 21/09/2020, Cục Hải quan Thành phố H ra Quyết định số 1770/QĐ-HQHCM về việc kiểm tra sau thông quan tại Công ty TNHH T5 (*sau đây gọi là Công ty T5*) về hồ sơ chứng từ liên quan đến mặt hàng giấy Ivory do công ty nhập khẩu theo tờ khai hải quan trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2015 đến ngày 21/9/2020, Công ty đã đăng ký làm thủ tục hải quan nhập khẩu mặt hàng giấy Ivory xuất xứ Trung Quốc và I tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C khu vực 1 – Cục Hải quan Thành phố H. Ngày 16/06/2023, Cục Hải quan Thành phố H ban hành Bản kết luận kiểm tra sau thông quan theo Quyết định số 1770/QĐ-HQ-HQHCM ngày 21/9/2020.

Ngày 28/6/2023, Công ty T5 đã nhận được Quyết định số 81/QĐ-HQTPHCM/ÂĐT-STQ ngày 27/06/2023 (*sau đây gọi là Quyết định số 81*) về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng giấy Ivory thuộc 81 tờ khai hải quan của Cục Hải quan Thành phố H, với tổng số tiền thuế phải nộp là: 45.316.715.214 đồng, trong đó: thuế nhập khẩu là 41.197.013.831 đồng, thuế giá trị gia tăng là 4.119.701.383 đồng.

Ngày 03/7/2023, Cục Hải quan Thành phố H tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực hải quan số 78/BB-VPHC tại trụ sở Công ty T5,

qua đó xác định: Thời điểm đến ngày 03/7/2023, công ty có 44 tờ khai có ngày đăng ký từ 04/7/2018 đến ngày 21/9/2020, còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Luật Quản lý thuế năm 2019. Số tiền ấn định của 44 tờ khai này là 21.423.493.623 đồng, trong đó: Thuế nhập khẩu là 19.475.903.310 đồng, thuế giá trị gia tăng là 1.947.590.313 đồng.

Ngày 29/6/2023, Công ty T5 đã gửi đơn khiếu nại về kết luận kiểm tra sau thông quan ngày 16/6/2023 của Cục Hải quan Thành phố H; tiếp đến Công ty đã gửi Bản giải trình số 98/MKL ngày 04/7/2023 và số 99/MKL ngày 05/7/2023. Ngày 10/7/2023, Công ty T5 đã có đơn khiếu nại số 101/KN-MKL gửi Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H, đối với Bản kết luận ban hành ngày 16/6/2023 về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo Quyết định số 1770/QĐ-HQ-HQHCM ngày 21/9/2020; Quyết định số 81/QĐ-HQTPHCM/ÂDT-STQ ngày 27/6/2023 đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của 81 tờ khai Ivory do công ty nhập khẩu, Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-HC ngày 03/07/2023 của Cục Hải quan Thành phố H.

Ngày 10/7/2023, Công ty T5 có Công văn số 101/CV-MKL khiếu nại lần đầu về việc xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chưa được xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, ngày 20/7/2023, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 17/07/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp (*sau đây gọi là Quyết định số 84*).

Nhận thấy, việc Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 81 và Quyết định số 84 là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của doanh nghiệp, bởi các lẽ sau:

- Công ty T5 xác định công dụng và mã HS của mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu từ 2018 đến 2020 hoàn toàn dựa vào chứng thư phân tích phân loại của ngành hải quan, cụ thể: Chứng thư số 3556/PTPLHCM-NV, 3362/TB-TCHQ của T và kết luận kiểm tra sau thông quan số 1795/CCKTSTQ-HCM ngày 04/12/2013 của Cục Hải quan Thành phố H và Quyết định số 333/QĐ-TCHQ ngày 05/10/2015 của T, trong đó, công dụng được xác định dùng để in ấn và mã HS là 4810.29.99. Như vậy, Cục Hải quan Thành phố H yêu cầu khai thêm công dụng làm bao bì là không đúng, bởi vì, Công ty T5 không được tự ý ghi thêm các công dụng khác ngoài chứng thư và kết luận của ngành hải quan.

- Công ty T5 là đơn vị thương mại, trong cam kết gửi đến Chi cục Kiểm định 3 cũng đã cam kết rõ là cung cấp mặt hàng Ivory cho các đơn vị in ấn trong thành phố và các tỉnh lân cận, đồng thời gửi kèm theo các hợp đồng tiêu biểu cho các đơn vị in ấn và bao bì.

- Trong xuyên suốt quá trình khai báo hải quan, Công ty luôn nghiêm túc chấp hành tốt các quy định pháp luật. Qua hai lần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo Quyết định số 1795/CCKTSTQ-HCM ngày 04/12/2013 của Cục Hải quan Thành phố H và Quyết định số 333/QĐ-TCHQ ngày

05/10/2015 của T: Công ty không có bất cứ phát sinh nào sai phạm về thuế, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

- Việc Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan Thành phố H kết luận xác định: “*Mặt hàng giấy Ivory do nhập khẩu có công dụng để in và làm bao bì, do đó phù hợp phân loại vào mã số 4810.92.90 (theo qui tắc 3c)*” là không phù hợp với quy định pháp luật.

Nay, Công ty T5 khởi kiện yêu cầu: Tuyên hủy Quyết định số 81 và Quyết định số 84.

Người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H có văn bản trình bày:

+ Đối với Quyết định số 81:

Ngày 27/6/2023, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 81 về việc ấn định thuế đối với mặt hàng giấy Ivory các loại thuộc 81 tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 22/9/2015 đến ngày 21/9/2020 với số tiền thuế còn phải nộp là 45.316.715.214 đồng.

Quyết định ấn định thuế là dựa vào Bản kết luận ban hành ngày 16/6/2023 về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo Quyết định số 1770/QĐ-HQ-HQHCM ngày 21/9/2020. Trên cơ sở Bản kết luận kiểm tra sau thông quan, đối chiếu quy định tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu; các Nghị định, Thông tư... quy định về thủ tục hải quan, về thuế xuất khẩu, nhập khẩu: Quyết định ấn định thuế được ban hành đúng quy định của pháp luật. Cụ thể căn cứ pháp lý: Luật Hải quan năm 2014; Luật Quản lý thuế năm 2019; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2014; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ T6; Quyết định số 941/QĐ-HQTPHCM ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Quyết định số 1770/QĐ-HQHCM ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan đối với Công ty TNHH T5.

+ Đối với Quyết định số 84:

Bản kết luận Kiểm tra sau thông quan ghi nhận:

- 04 tờ khai khai công ty B tên hàng: khai báo tên hàng là giấy mỹ thuật; Đoàn kiểm tra xác định là giấy Ivory.

- 77 tờ khai công ty khai báo chưa chính xác, không đầy đủ công dụng: khai báo là dùng cho in ấn; Đoàn kiểm tra xác định là dùng để in ấn và làm bao bì.

Xác lập hành vi: “khai báo sai tên hàng; khai báo không đầy đủ, không chính xác mô tả hàng hóa dẫn đến hành vi khai sai mã số hàng hóa, sai thuế suất dẫn đến thiếu số thuế phải nộp”.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ. Cơ quan hải quan xác định doanh nghiệp đã có hành vi vi phạm hành chính: Khai sai tên hàng, mã số hàng hoá, thuế suất mà cơ quan hải quan phát hiện khi kiểm tra sau thông quan nhưng tổ chức vi phạm không tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định của pháp luật trước thời điểm lập biên bản vi phạm. Hình thức xử phạt chính: phạt 01 lần tiền thuế thiếu.

Quyết định số 84 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định. Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 85 Luật Xử phạt vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020); Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-VPHC ngày 03/7/2023; Quyết định số 07/QĐ-GQXP ngày 30/12/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 81 và Quyết định số 84 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 195/2023/HC-ST ngày 29/01/2024, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 85 Luật xử phạt vi phạm hành chính; Luật hải quan năm 2014; Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T5:

- Tuyên hủy Quyết định số 81/QĐ-HQTPHCM/ÂĐT-STQ ngày 27/6/2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Tuyên hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 17/07/2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 06/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T5.

Ngày 20/3/2024, người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T5.

- Người khởi kiện Công ty T5 bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của người bị kiện; sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T5.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện:

[1] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Theo Điều 1 Quyết định số 1770/QĐ-HQTPHCM ngày 21/9/2020 quy định thời hạn kiểm tra là 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra sau thông quan (dự kiến ngày 28/9/2020), trong hồ sơ phía Cục trưởng Cục H không có ý kiến về việc có thay đổi ngày kiểm tra so với dự kiến như tại quyết định; Tuy nhiên đến ngày 03/7/2023 mới tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính là không phù hợp với Quyết định kiểm tra số 1770 và không phù hợp với quy định tại Điều 80 Luật hải quan năm 2014, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 80 Luật hải quan năm 2014, quy định: *“Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 10 ngày làm việc. Thời gian kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc;*

- Trình tự thủ tục sau thông quan:

...Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan. Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra được tính từ ngày có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan...”

Khoản 4 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan quy định: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra ký biên bản kiểm tra...”*.

Cũng tại Quyết định số 1770/QĐ-HQTPHCM ngày 21/9/2020 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H quyết định thành lập Đoàn kiểm tra gồm 04 người, trong đó bà Lương Thị Xuân T3 là Trưởng đoàn kiểm tra, nhưng tại Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-VPHC ngày 03/7/2023, thành phần tiến hành lập biên bản chỉ có 02 người là ông Trần Kế T2 và bà Bùi Thị H1 (công chức của Cơ quan Cục Hải quan Thành phố H) là không đầy đủ thành phần kiểm tra như Quyết định 1770 nêu trên nên không đúng quy định tại Điều 81 Luật Hải quan năm 2014.

Nhưng Quyết định về xử phạt hành chính số 84/QĐ-XPHC ngày 17/7/2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H lại “căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 78/BB-VPHC ngày 03/7/2023 của Đoàn Kiểm tra thành lập theo Quyết định số 1770/QĐ-HQTPHCM ngày 21/9/2020 của Cục trưởng

Cục Hải quan Thành phố H” để ban hành quyết định là không đúng trình tự thủ tục, cụ thể là không đúng thành phần kiểm tra và thời gian kiểm tra.

[2] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 81 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 84 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

[3] Về nội dung của các quyết định hành chính bị kiện:

[3.1] Đối với Quyết định số 81:

Quyết định số 81 có nội dung ấn định thuế đối với mặt hàng giấy Ivory các loại thuộc 81 tờ khai hải quan của Công ty T5 đăng ký từ ngày 22/9/2015 đến ngày 21/9/2020 với số tiền thuế còn phải nộp là 45.316.715.214 đồng.

Người bị kiện cho rằng dựa trên Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan đối với Công ty T5 nên có cơ sở xác định áp mã 4810.92.90 đối với mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu của Công ty T5.

Công ty T5 thì cho rằng cơ quan hải quan áp mã 4810.92.90 đối với mặt hàng Ivory nhập khẩu của Công ty T5 khi chưa có kết quả phân tích, phân loại, chưa có ý kiến của Bộ T6 là không đúng quy định pháp luật.

Xét thấy; trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2015 đến ngày 21/9/2020, Công ty T5 đã đăng ký làm thủ tục Hải quan nhập khẩu mặt hàng giấy Ivory xuất xứ Trung Quốc và I tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C khu vực 1 – Cục Hải quan Thành phố H, Công ty T5 thực hiện tờ khai Hải quan với mã số 4810.29.99 đối với một mặt hàng duy nhất là giấy Ivory có xuất xứ Trung Quốc, theo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa của cơ quan trực thuộc T ban hành, cụ thể: *“Giấy và bìa loại dùng để viết, in hoặc các mục đích đồ bản khác, có hàm lượng bột giấy thu được từ quá trình cơ học hoặc hóa cơ trên 10% so với tổng lượng bột giấy tính theo trọng lượng”*, phân nhóm 4810.29, mã số 4810.29.99 tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo các chứng thư giám định sau:

- Thông báo số 3556/PTPLHCM-NV ngày 07/11/2013 của Trung tâm Phân tích, Phân loại - Chi nhánh Thành phố H về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa.

- Thông báo số 3362/TB-TCHQ ngày 21/04/2016 của T về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Thông báo số 1956/TB-KĐ3 ngày 27/11/2019 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa;

- Thông báo số 1957/TB-KĐ3 ngày 27/11/2019 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa.

Công ty T5 thực hiện tờ khai hải quan trên cơ sở xác định công dụng và mã HS của mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu từ 2018 đến 2020 dựa vào các chứng thư phân tích phân loại của cơ quan hải quan, cụ thể: Chứng thư số 3556/PTPLHCM-NV, 3362/TB-TCHQ của T và kết luận kiểm tra sau thông quan số 1795/CCKTSTQ-HCM ngày 04/12/2013 của Cục Hải quan Thành phố H, Quyết định số 333/QĐ-TCHQ ngày 05/10/2015 của T, trong đó, công dụng được xác định dùng để in ấn và mã HS là 4810.29.99.

Theo khoản 3 Điều 11 Thông tư số 14/1015/TT-BTC của Bộ T6, quy định:

“3. Thông báo kết quả phân loại của Tổng cục trưởng T là cơ sở để xác định mức thuế, thực hiện chính sách quản lý hàng hóa; được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang thông tin điện tử của T”.

Điểm g khoản 1 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC của Bộ T6, quy định:

“Người khai hải quan được sử dụng kết quả giám định, phân tích của các tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật để khai các nội dung có liên quan đến tên hàng, mã số, chất lượng, chủng loại, số lượng và các thông tin khác liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

Người khai hải quan được sử dụng kết quả phân tích, phân loại của lô hàng đã được thông quan trước đó để khai tên hàng, mã số cho các lô hàng tiếp theo có cùng tên hàng, thành phần, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, nhập khẩu từ cùng một nhà sản xuất trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có kết quả phân tích, phân loại; trừ trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung, thay thế”;

Căn cứ các quy định trên, thấy rằng Công ty T5 đã thực hiện khai báo hải quan đúng theo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa của các tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật đối với mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu. Quá trình làm tờ khai thì trước đây cơ quan hải quan đã đánh giá việc Công ty T5 chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, tại Kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo Quyết định số 1795/CCKTSTQ-HCM ngày 04/12/2013 của Cục Hải quan Thành phố H và Quyết định số 333/QĐ-TCHQ ngày 05/10/2015 của T: Công ty T5 không có bất kỳ phát sinh sai phạm về thuế, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6, quy định: *“...Trường hợp có ý kiến khác nhau về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế khi áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tiêu chuẩn chuyên ngành, Bộ T6 thống nhất với các Bộ quản lý chuyên ngành để xử lý”.* Theo đó, mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu của Công ty T5 thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6. Trong trường hợp này, Cục Hải

quan Thành phố H phải có văn bản gửi tới Bộ T6 thống nhất với các bộ quản lý chuyên ngành để xử lý.

Đối với trường hợp của Công ty T5 thì T đã có Công văn số 4126/TCHQ-TXNK ngày 03/10/2022 hướng dẫn theo chỉ đạo tại Công văn số 317/TCHQ-TXNK ngày 15/01/2020, theo đó căn cứ công dụng của hàng hóa để phân tích, phân loại áp mã hàng hóa.

Theo khoản 7 Điều 2 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6, quy định: *“Phân tích hàng hoá làm việc của các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan hải quan phân tích mẫu hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định:*

a. Thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hoá, công dụng làm cơ sở phân loại hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam”.

Đối chiếu với quy định trên, Công văn số 4126/TCHQ-TXNK ngày 03/10/2022 của T hướng dẫn Cục Hải quan Thành phố H tiến hành kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu của Công ty T5 thì căn cứ vào công dụng của hàng hóa để phân tích, phân loại áp mã hàng hóa là không đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 14/2015/TT-BTC của Bộ T6.

Đối chiếu chú giải tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01/07/2015 của Bộ T6, Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/08/2017 của Bộ T6; Chú giải chi tiết Danh mục HS; chú giải SEN được hướng dẫn tại Công văn số 6803/TCHQ-TXNK ngày 10/10/2017 thay thế Công văn số 6901/TCHQ-TXNK ngày 29/07/2015 và được sử dụng để tham chiếu kỹ thuật trong việc phân loại hàng hóa (đính kèm bảng so sánh phân nhóm 4810.29 và phân nhóm 4810.92), phân nhóm 4810.29 và phân nhóm 4810.92 có thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hoá, công dụng khác nhau, phân nhóm 4810.92 khác với kết quả phân tích phân loại của cơ quan kiểm định.

Qua đó, có cơ sở xác định Công ty T5 đã chấp hành các quy định của cơ quan hải quan. Đồng thời, trong quá trình thực hiện khai thuế, Công ty T5 có công văn chủ động đề nghị cơ quan Hải quan Thành phố H chính thức có văn bản hướng dẫn về việc áp mã số 4810.92.90 đối với mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu của Công ty. Tuy nhiên, cơ quan hải quan chưa cung cấp được kết quả phân tích, phân loại đáp ứng đầy đủ quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6 về thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hoá, công dụng để làm căn cứ trong việc áp mã 4810.92.90 đối với mặt hàng giấy Ivory nhập khẩu của Công ty T5.

Theo đó, việc cơ quan hải quan áp mã 4810.92.90 đối với mặt hàng Ivory nhập khẩu của Công ty T5 khi chưa có kết quả phân tích, phân loại, chưa có ý kiến của Bộ T6 mà chỉ dựa trên công dụng, thông qua Kiểm tra khảo sát một số Công ty mua hàng hóa của Công ty T5 và áp đặt một mặt hàng có 02 mã số hàng hóa là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6 quy định về nguyên tắc phân loại hàng hóa:

“1. Một mặt hàng chỉ có một mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam”.

Quá trình giải quyết vụ án, Cục Hải quan Thành phố H cũng thừa nhận cho đến nay cũng chưa chính thức ấn định mã HS cho mặt hàng giấy Ivory, việc xử lý đối với Công ty T5 là áp dụng quy tắc 3C như hướng dẫn tại Công văn 317 ngày 15/01/2020 và Văn bản số 6180 ngày 28/12/2021 của T. Theo nội dung của Công văn 317 ngày 15/01/2020 như sau: *“Trường hợp xác định công dụng chính là dùng để in, viết và mục đích đồ bản khác thì phù hợp phân loại phân nhóm 4810.1x hoặc phân nhóm 4810.2x; trường hợp xác định công dụng chính là dùng bao bì thì phù hợp phân loại phân nhóm 4810.3x hoặc phân nhóm 4810.9x”*. Tuy nhiên, căn cứ để xác định là công dụng chính do cơ quan nào xác định và phương pháp xác định thì không có hướng dẫn. Và thực tế, Cục Hải quan Thành phố H cũng đã gửi báo cáo khó khăn vướng mắc về phân loại hàng hóa và ấn định thuế đối với vụ việc kiểm tra sau thông quan của Công ty T5 thể hiện qua các văn bản sau:

- Công văn số 2481/HQHCM-STQ ngày 26/8/2020;
- Công văn số 3067/HQHCM-STQ ngày 20/10/2020;
- Công văn số 162/HQHCM-STQ ngày 02/12/2020;
- Công văn số 1749/HQHCM-STQ ngày 02/7/2021;
- Công văn số 3002/HQHCM-STQ ngày 30/11/2021;
- Công văn số 420/HQHCM-STQ ngày 04/3/2021;
- Công văn số 1063/HQHCM-STQ ngày 18/5/2021;
- Công văn số 1772/HQHCM-STQ ngày 19/7/2022;
- Công văn số 1313/HQHCM-STQ ngày 17/5/2023;

T có các công văn trả lời cho Cục Hải quan Thành phố H; tuy nhiên cho đến nay thì Cục Hải quan Thành phố H cũng thừa nhận cũng chưa chính thức ấn định mã HS cho mặt hàng giấy Ivory. Trong suốt quá trình kiểm tra phân loại hàng hóa của Công ty T5 đã có nhiều văn bản đề nghị hướng dẫn khai hải quan nhưng về phía Cục Hải quan Thành phố H cũng không có hướng dẫn cho Công ty.

Từ những nhận định trên, thấy rằng nội dung kết luận tại mục 3.3.6, mục 5.2, mục 5.3.2 của Bản kết luận kiểm tra sau thông quan ngày 16/5/2023 là không đúng quy định pháp luật dẫn đến việc ban hành Quyết định số 81 có nội dung ấn định thuế đối với mặt hàng giấy Ivory các loại thuộc 81 tờ khai hải quan của Công ty T5 đăng ký từ ngày 22/9/2015 đến ngày 21/9/2020 với số tiền thuế còn phải nộp là 45.316.715.214 đồng là không đúng quy định, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T5. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty T5 về hủy Quyết định số 81 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với Quyết định số 84:

Tại nội dung Bản kết luận kiểm tra sau thông quan ngày 16/5/2023 ghi nhận:

- 04 tờ khai khai Công ty báo sai tên hàng: Khai báo tên hàng là giấy mỹ thuật; Đoàn kiểm tra xác định là giấy Ivory.

- 77 tờ khai Công ty khai báo chưa chính xác, không đầy đủ công dụng: khai báo là dùng cho in ấn; Đoàn kiểm tra xác định là dùng để in ấn và làm bao bì.

Trên cơ sở đó, Cục trưởng Cục Hải quan xác định hành vi của Công ty T5 là khai báo sai tên hàng; khai báo không đầy đủ, không chính xác mô tả hàng hóa dẫn đến hành vi khai sai mã số hàng hóa, sai thuế suất dẫn đến thiếu số thuế phải nộp. Theo đó, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13; Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ để xác định Công ty T5 đã có hành vi vi phạm hành chính: Khai sai tên hàng, mã số hàng hóa, thuế suất mà cơ quan hải quan phát hiện khi kiểm tra sau thông quan nhưng tổ chức vi phạm không tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định của pháp luật trước thời điểm lập biên bản vi phạm. Hình thức xử phạt chính: Phạt 01 lần tiền thuế thiếu.

Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [3.2], việc cơ quan hải quan ấn định thuế đối với 81 tờ khai nhập khẩu mặt hàng giấy Ivory của Công ty T5 là không đúng quy định pháp luật dẫn đến việc lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực hải quan số 78/BB-VPHC ngày 03/7/2023 để làm căn cứ ban hành Quyết định số 84 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với Công ty T5 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T5 về hủy Quyết định số 84 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 191/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì biện pháp khẩn cấp tạm thời được hủy bỏ khi vụ án đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 85 Luật Xử phạt vi phạm hành chính; Luật hải quan năm 2014; Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T6; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T5:

- Tuyên hủy Quyết định số 81/QĐ-HQTPHCM/ÂĐT-STQ ngày 27/6/2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Tuyên hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 17/07/2023 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính.

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 191/2023/QĐ-BPKCTT Ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục hải quan Thành phố H phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0032809 ngày 08/4/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (2);
- Lưu VT (5), HS (2) 14B (BA- TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh